

Bản án số 278/2022/HSPT
Ngày 08/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Các thẩm phán: Ông **Trương Công Thi**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Phước Thạnh**, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại điểm cầu Thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 186/2022/TLPT-HS ngày 19 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Hồ Hữu Đ về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2022/HSST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị cáo có kháng cáo:

Hồ Hữu Đ (Lực), sinh ngày 22/9/1976, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi ĐKNKTT: 150 đường Đ1, phường T, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã T1, thị xã H2 (nay là thành phố H1), tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Hồ C (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2; có vợ Lê Thị Hồng Th và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt giam ngày 11/9/2020, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Hữu Đ: Bà Tôn Nữ Thái B, luật sư, Văn phòng luật sư T3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: 22B đường L, phường V, thành phố H1, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt. Bị cáo Hồ Hữu Đ từ chối không yêu cầu luật sư, bị cáo tự bào chữa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không có liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian năm 2017, Hồ Hữu Đ có quen biết anh Bùi Duy V1 - Giám đốc Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu VT, địa chỉ và nơi cư trú: Khu phố HS, phường P, thị xã P1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và V1 có biết Đ có mối quan hệ với nhiều cán bộ lãnh đạo của địa phương, các ban ngành, cơ quan nhà nước ở Hà Nội, cơ quan Quân đội và Công an. Khoảng đầu tháng 5/2020, Đ điện thoại cho V1 nói “*Có quen anh H3 mới được bổ nhiệm làm Thứ trưởng Bộ Công an và được anh tạo điều kiện làm gói cấp gạo cho các Trại giam thuộc Cục 8 Bộ Công an, em có quen đơn vị và nhà máy nào có năng lực, giới thiệu anh để anh sắp xếp đưa vào làm*”. Nghe vậy, V1 gọi điện thoại cho bạn là anh Lê Hoài N1 để hỏi thì anh N1 xác nhận. Tin những lời Đ nói với mình là thật, ngày 11/5/2020 Đ tiếp tục nhắn tin qua ứng dụng Zalo cho V1 “*Em tìm công ty nào mạnh về gạo để cung ứng cho tổng cục 8 Bộ công an*” V1 trả lời “*Dạ có liền anh. Em có mối ân tình với bên gạo*”. Cũng trong thời điểm này, V1 có quen với anh Lê Văn T4 (là người giúp V1 giao vật liệu xây dựng ở huyện đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang). V1 đề cập với anh T4 về dự án cung ứng gạo như lời Đ nói để T4 tìm nhà đầu tư giới thiệu cho V1, nếu dự án làm được thì cả T4 và V1 đều được hưởng tiền hoa hồng.

Anh Lê Văn T4 đề cập với anh Âu Dương H3 để tìm đối tác cung cấp gạo. Do anh H3 thường xuyên đặt mua vé máy bay tại đại lý bán vé của bà Nguyễn Thị Kim O và biết việc bà O có cung ứng gạo cho các đơn vị quân đội. Khoảng thời gian gần cuối tháng 5/2020, anh H3 liên lạc với bà O nói rằng anh có mối quan hệ có khả năng quyết định việc cung cấp gạo cho tất cả các trại giam trên toàn quốc. Nghe anh H3 đề cập như vậy thì bà O đồng ý để liên hệ nếu thuận lợi thì hợp tác đầu tư.

Ngày 27/5/2020, anh H3 đi máy bay từ thành phố Hồ Chí Minh ra Hà Nội gặp anh Lê Văn T4, đồng thời V1 cũng ra Hà Nội để giải quyết việc của công ty mình. Anh H3 liên lạc với T4 rồi cả V1 và T4 cùng gặp anh H3 và bà O. Sáng ngày 28/5/2020, cả bốn người hẹn gặp tại khách sạn Marriott, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội để bàn việc liên quan chuyện hợp tác kinh doanh. T4 và V1 đề cập với bà O là có mối quan hệ có thể được chọn để cung ứng gạo cho các Trại giam của Cục 8 Bộ Công an trên toàn quốc. Ngày 29/5/2020, anh T4 điện thoại cho bà O và yêu cầu chuyển khoản trước cho T4 số tiền 100 triệu

đồng để T4 chuyển lại cho V1 chi phí đi lại, ăn ở, triển khai dự án và chi phí đi lại của T4 và H3. Do mới tiếp xúc nên bà O chỉ chuyển khoản số tiền 30 triệu đồng bằng tài khoản Pvcombank cho T4, ghi nội dung “*em O cho anh tam vay*” (Em O cho anh T4 vay). Sau khi nhận được số tiền 30 triệu đồng, T4 cũng không nói gì cho V1 biết.

Khi bà O hỏi V1 cách làm như thế nào thì V1 điện thoại báo cho Đ là có bà O ở Hà Nội muốn hợp tác làm ăn và ý anh Đ thế nào. Đ trả lời “*Sẽ giao cho bà O phụ trách cung cấp gạo cho các Trại giam ở miền bắc và nói bà O lo 50.000 USD làm quà cho lãnh đạo để xin cơ chế*”. Khi bà O hỏi V1 là vào Huế có được gặp anh H3 không? V1 hỏi lại Đ thì Đ trả lời “*Vào Huế nếu có anh H3 ở nhà thì bố trí cho gặp*”. Chiều ngày 30/5/2020, bà O cùng con trai là Nguyễn Danh Khánh L1 và V1 đi từ Hà Nội vào Huế. Sáng ngày 31/5/2020, V1 điều khiển xe ô tô chở mẹ con bà O, còn Đ đi xe ô tô khác đi tham quan, sau đó có ghé nhà của Đ để thăm chơi. Trên đường đi, Đ có gọi bà O ngồi chung xe và nói với bà O “*Đ có quen biết Thứ trưởng Bộ Công an và Đ là người sẽ quyết định việc ai là người được cung cấp gạo cho Cục 8 Bộ Công an, thấy bà O là người có tâm nên quyết định chọn bà O là người cung ứng gạo cho Trại giam*”. Trưa cùng ngày, tất cả đi ăn tại quán ĐC thuộc huyện P2, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại đây, Đ nói với V1 “*Hỏi chị O chi phí đã chuẩn bị như thế nào để anh biết anh sắp xếp*”. V1 hỏi bà O “*Sau khi vào đây, đã biết nhà cửa của Đ, bà có tin tưởng để gửi chi phí cho anh Đ không?*”. Bà O trả lời để ăn cơm xong về lại khách sạn sẽ quyết. Sau khi ăn xong Đ, V1 và bà O về lại khách sạn.

Tại khách sạn Thanh Lịch, bà O nói sẽ chuyển trước một số tiền để làm tin, đồng thời yêu cầu Đ viết giấy nhận tiền và ký tên, sau khi ghi xong giấy nhận nợ 01 tỷ đồng với bà O thì Đ nói không có số tài khoản. Lúc này, V1 có nói là chuyển vào số tài khoản công ty của Đ hoặc tài khoản của vợ Đ thì Đ nói cá nhân đừng chuyển vào tài khoản của công ty, còn dùng số tài khoản của vợ thì phức tạp. Sau đó, Đ hỏi mượn số tài khoản của V1 để nhận tiền thì bà O đồng ý và yêu cầu V1 là người viết nhận nợ rồi cả V1 và Đ cùng ký vào giấy nhận nợ. Sau đó, Đ đưa ra yêu cầu phải chuyển số tiền 50.000 USD (tương ứng 1.160.000.000 đồng) để lo việc chứ 01 tỷ đồng sẽ không đủ và bà O cũng đồng ý.

Lúc 15 giờ 33 phút ngày 31/5/2020, bà O chuyển từ tài khoản Pvcombank 107000208818 vào tài khoản ngân hàng Sacombank 050074733333 của V1 200.000.000 đồng, nội dung “*chị O cho em dong muon vay tien chuyen qua tai khoan em vu*” (Chị O cho em Đ mượn vay tiền chuyển qua tài khoản em V1).

Đến tối cùng ngày, bà O cùng con trai đi máy bay ra lại Hà Nội. Lúc 16 giờ 15 phút ngày 01/6/2020, bà O tiếp tục chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng

BIDV 26810000362914 vào tài khoản ngân hàng Sacombank 050074733333 của V1 số tiền: 960.000.000 đồng, nội dung “*NGUYỄN THI KIM O CHI O CHO EM Đ VAY CHUYÊN QU A TK E vu* (Nguyễn Thị Kim O chị O cho em Đ vay chuyên qua tài khoản em V1).

Sau khi nhận được tiền, V1 đi cùng Đ và bạn gái là Lê Thị Mỹ D đến chi nhánh ngân hàng Sacombank ở địa chỉ 126 Nguyễn Huệ, thành phố H1 để làm thủ tục rút tiền. Do căn cước công dân hết hạn nên V1 phải làm thủ tục chuyển số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) sang tài khoản của Lê Thị Mỹ D, rồi nhờ D làm thủ tục rút hết số tiền này đưa cho V1 và V1 đưa lại cho Đ ngay tại quầy giao dịch (có sự chứng kiến của Lê Thị Mỹ D); số tiền còn lại 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) V1 xem là khoản chi phí ăn ở, đi lại nên vẫn để trong tài khoản của mình. Trên ô tô đi từ ngân hàng về nhà của Đ, do có công chuyện gia đình cần giải quyết nên V1 hỏi mượn Đ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và được Đ đồng ý đưa tiền cho V1. Đến chiều tối 01/6/2020, V1 và D đi tàu hỏa từ Huế vào Nha Trang.

Sau khi chuyển tiền xong, bà O không thấy Đ thực hiện những phần việc như đã hứa. Ngày 05/6/2020, bà O liên lạc với ông Lê Quốc H3 - Thứ trưởng Bộ Công an như lời Đ nói là có quen, thân thì ông Thứ trưởng trả lời “*Không quen biết với Đ và V1, cũng không có Cục 8 Bộ Công an*”. Biết mình đã bị lừa, bà O gọi điện cho V1 đòi lại số tiền 1.160.000.000 đồng với lý do tiền chuyển vào tài khoản V1. Khi nghe như vậy, V1 liền hỏi Đ tình hình như thế nào thì Đ chỉ nói là đang lo việc, không trả lời là được hay không; V1 hỏi Đ số tiền nhận được của bà O đã làm gì thì Đ nói cho bạn mượn để lo việc, chưa trả lại cho Đ. Khi biết thực tế sự việc lại diễn ra như vậy, V1 xác định mình có trách nhiệm trong việc này vì chính V1 là người nhận giúp số tiền mà bà O chuyển cho Đ. Ngày 12/6/2020, V1 ra Hà Nội gặp bà O để tìm cách giải quyết và viết giấy cam kết đến ngày 22/6/2020 trả tiền. V1 nói với bà O là sẽ sang tên nhà của V1 ở khu phố HS, phường P, thị xã P1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho bà O tạm thời, rồi khi V1 lấy được tiền từ Đ thì sẽ gửi và bà O sang tên lại hoặc chờ V1 lấy nợ từ các công ty khác để trả nợ dần nhưng bà O không đồng ý.

Đối với số tiền 1.050.000.000 đồng sau khi nhận được, Đ trả nợ cho anh Nguyễn Vũ Linh số tiền 400.000.000 đồng (Đ mượn anh Linh 700.000.000 đồng từ cuối năm 2019); số tiền còn lại, Đ sử dụng để tiêu xài cá nhân. Khi bà O đòi lại tiền thì Đ chỉ còn 100.000.000 đồng. Ngày 22/6/2020, Đ đưa cho V1 để nộp tiền mặt vào tài khoản rồi chuyển khoản trả cho bà O 100.000.000 đồng.

Ngày 06/7/2020, Đ mượn tiền của người khác chuyển vào tài khoản của V1 200.000.000 đồng; nhận được tiền V1 đã chuyển trả ngay cho bà O. Tổng tiền mà Đ, V1 đã trả lại cho bà O là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) với

số tiền 400.000.000đồng được Đồng trả cho anh Nguyễn Vũ Linh, anh Linh đã tự nguyện nộp lại cho Cơ quan điều tra hai lần với tổng số tiền 150.000.000đồng.

Quá trình điều tra, Đ khai nhận có biết gia đình ông Lê Quốc H3 nên nảy sinh ý định lợi dụng để đưa ra thông tin chạy dự án cung cấp gạo cho các trại giam trên toàn quốc; Đ không có bàn bạc gì với ai từ trước, sau khi nhận tiền thì sử dụng tiền vào công việc cá nhân, Đ cũng không liên hệ với bất kỳ ai như nội dung đã hứa với bà O.

Ngày 28/9/2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thừa Thiên Huế có Quyết định trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký số 202/QĐ-CSHS. Tại Bản kết luận giám định số 605/GĐ ngày 10/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:

1. Chữ viết, chữ ký mang tên Hồ Hữu Đ trên tài liệu cần giám định ký hiệu AI .2; A2 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Hồ Hữu Đ trên tài liệu mẫu ký hiệu MI do cùng một người viết, ký ra.

2. Chữ viết, chữ ký mang tên Bùi Duy V1 trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1.1; A3 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Bùi Duy V1 trên tài liệu mẫu ký hiệu M2 do cùng một người viết, ký ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2022/HS-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Hữu Đ 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 11/9/2020.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, phân xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/4/2022, bị cáo Hồ Hữu Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hồ Hữu Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo bị bệnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Hữu Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị cáo Hồ Hữu Đ khai nhận tội, đối chiếu thấy phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên vào khoảng đầu tháng 5/2020, Hồ Hữu Đ đưa ra thông tin gian dối là “...có quen Thứ trưởng Bộ công an và được tạo điều kiện làm gói cấp gạo cho các Trại giam thuộc Cục 8 Bộ công an”; đồng thời khẳng định mình là người có khả năng quyết định việc cung ứng gạo, người nào muốn nhận được dự án cung cấp gạo phải chuyển cho Đ 50.000USD làm quà cho lãnh đạo để xin cơ chế. Bà Nguyễn Thị Kim O tin là thật nên đã chuyển số tiền 1.160.000.000 đồng cho Đ vào ngày 31/5/2020 và ngày 01/6/2020. Sau khi nhận được tiền của bà O, Đ sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo Hồ Hữu Đ đã bị TAND tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Bản án sơ thẩm đánh giá đúng tính chất nghiêm trọng của vụ án, mức độ phạm tội, đồng thời xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Hồ Hữu Đ như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục cho bị hại số tiền 300.000.000 đồng và xử phạt Hồ Hữu Đ với mức án 09 năm 06 tháng tù, dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định là đã xem xét, chiếu cố giảm nhẹ. Tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Hữu Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Hồ Hữu Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Hồ Hữu Đ dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định nhưng không áp dụng Điều 54 BLHS là thiếu sót, Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục vấn đề này.

[4] Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Hữu Đ và giữ nguyên bản sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS.

Xử phạt: Hồ Hữu Đ 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/9/2020.

2. Về án phí: Hồ Hữu Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao – Vụ 1;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm